DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm thi học kỳ

Học Kỳ 2 - Năm Học 2017-2018

Môn Thi/Nhóm **Tổ chức và quản lý thi công (CENG4204) - XD53** Số Tín Chỉ: 2

CBGD **Nguyễn Anh Tuấn (CT286)**

Ngày Thi / / Phòng Thi

In Ngày 24/03/2018

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	1551020002	NGUYỄN LOAN	ANH	20/02/97	XD53					*Nợ HP
2	1551020003	NGUYỄN ĐÌNH	ÂN	23/12/97	XD53					*Nợ HP
3	1551020005	NGUYỄN MINH DUY	BẰNG	31/01/97	XD53					*Nợ HP
4	1551020006	TRẦN VĂN	BEL	28/09/97	XD53					
5	1551020007	ĐÀO KIM	BÌA	28/08/97	XD53					*Nợ HP
6	1551020010	PHẠM HIỀN	CHÍ	29/06/97	XD53					*Nợ HP
7	1551020015	NGUYỄN THẾ	CƯỜNG	30/07/97	XD53					
8	1551020020	VŨ QUỐC	CƯỜNG	09/06/95	XD53					*Nợ HP
9	1551020029	PHAN CÔNG	DŨNG	25/11/96	XD53					
10	1551020025	NGUYỄN ĐỨC	DUY	15/12/97	XD53					*Nợ HP
11	1551020026	NGUYỄN NGỌC	DUY	06/04/97	XD53					*Nợ HP
12	1551020027	NGUYỄN QUỐC	DUY	10/11/97	XD53					*Nợ HP
13	1661022002	NGÔ AN	HẠ	26/12/77	XD53					*Nợ HP
14	1451020049	PHẠM VŨ THÁI	HÒA	08/07/87	XD53					
15	1551020055	PHÙNG HỮU	HÙNG	05/02/97	XD53					*Nợ HP
16	1551020058	NGUYỄN VĂN	HƯNG	04/07/97	XD53					*Nợ HP
17	1551020062	LÂM PHÚ	KHÁNH	01/01/95	XD53					*Nợ HP
18	1551020064	LÊ ĐĂNG	KHOA	23/03/97	XD53					*Nợ HP
19	1551020067	PHẠM TẤN VŨ	LINH	12/04/97	XD53					
20	1551020070	NGUYỄN VĨNH	LỘC	30/04/97	XD53					*Nợ HP
21	1551020073	CHÂU GIA	LUẬN	08/04/97	XD53					*Nợ HP
22	1551020075	DƯƠNG THỊ KIỀU	MI	02/09/95	XD53					
23	1551020085	HUỲNH NGỌC	NGÀ	10/12/96	XD53					*Nợ HP
24	1551020088	LÂM BÁ	NHẬT	02/10/97	XD53					*Nợ HP
25	1551020091	TRẦN VĂN	PHI	06/06/95	XD53					*Nợ HP
26	1551020092	LÊ HOÀNG	PHÚC	10/12/97	XD53					
27	1551020098	ĐÀO HOÀNG	QUÂN	12/06/97	XD53					*Nợ HP
28	1551020100	LÝ DIỆU	QUÂN	03/01/97	XD53					
29	1551020101	PHAN NGỌC	SANG	21/05/97	XD53					*Nợ HP
30	1551020103	ĐỖ LÊ THANH	SƠN	06/08/97	XD53					*Nợ HP
31	1551020106	PHẠM MINH	TÂM	28/07/97	XD53					*Nợ HP
32	1551020107	NGUYỄN VĂN	TÂN	25/02/97	XD53					*Nợ HP
33	1551020109	LÊ THẾ	THANH	20/07/97	XD53					
34	1551020114	PHẠM QUẦN	THỂ	05/03/95	XD53					*Nợ HP
35	1551020116	NGUYỄN PHƯỚC	THIỆN	05/08/97	XD53					*Nợ HP
36	1551020118	VŨ NGỌC	THỊNH	24/11/97	XD53					
37	1551020119	LÊ HOÀNG	THOA	15/01/97	XD53					
38	1551020125	HUỲNH THỊ MINH	THƯ	31/10/97	XD53					*Nợ HP
39	1551020126	MAI THỊ XUÂN	THY	03/01/97	XD53					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm thi học kỳ

Môn Thi/Nhóm **Tổ chức và quản lý thi công (CENG4204) - XD53** Số Tín Chỉ: 2

In Ngày 24/03/2018

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
40	1551020128	NGUYỄN QUỐC	TIẾN	05/09/96	XD53					*Nợ HP
41	1551020129	LÊ THIỆN	TÍNH	14/03/97	XD53					
42	1551020136	TÔ VĂN	TRÍ	04/09/96	XD53					
43	1551020134	NGUYỄN TẤN	TRIỂN	22/02/97	XD53					*Nợ HP
44	1551020137	NGUYỄN HỒ	TRÌNH	09/03/96	XD53					
45	1551020139	LƯƠNG MINH	TRỌNG	17/08/97	XD53					*Nợ HP
46	1551020141	ĐINH PHẠM GIA	TRUNG	11/06/97	XD53					
47	1551020142	NGUYỄN HỮU	TRUNG	21/07/97	XD53					*Nợ HP
48	1551020143	TRẦN HIỀN	TRUNG	21/12/97	XD53					
49	1551020145	BÙI TRUNG	TRỰC	09/09/97	XD53					
50	1551020149	BÙI THANH	TÚ	05/12/97	XD53					
51	1551020151	PHẠM HỮU	TÚ	03/03/97	XD53					*Nợ HP
52	1551020152	TRẦN MINH	TÚ	02/12/97	XD53					*Nợ HP
53	1551020154	HUỲNH NGUYỄN DƯƠNG	TÙNG	03/02/97	XD53					*Nợ HP
54	1551020148	NGUYỄN THẾ	TUYỀN	07/09/97	XD53					
55	1551020159	PHAN QUỐC	VĂN	02/01/97	XD53					*Nợ HP
56	1551020160	ĐỖ LÊ LỆ	VIỄN	14/03/97	XD53					*Nợ HP
57	1551020161	TÔ QUẢNG	VINH	29/08/97	XD53					
58	1551020162	TRẦN CÔNG	VĨNH	15/09/97	XD53					*Nợ HP
59	1551020163	DƯƠNG TRÂN	VỦ	07/11/97	XD53					
60	1551020165	TRẦN QUANG	VŨ	29/03/97	XD53					

Số SV dự thi: _____ Số vắng thi: _____

Số bài thi: _____ Số tờ giấy thi: _____

Ngày _____ tháng _____ năm 20__

Cán bộ Coi thi 1
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Cán bộ Coi thi 2
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Giáo viên chấm thi
(Ký và ghi rõ Họ tên)